

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Đức

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2004 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 1, ấp P, xã T, H. T, TP ..

- Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, H. P, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T1 quen biết nhau từ năm 2024, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 12/02/2025, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Sau đó giữa bà và ông T1 xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, ông T1 không lo làm ăn, thích tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, bà khuyên can nhiều lần nhưng ông T1 không nghe, cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách, không cùng tiếng nói chung. Nay bà thấy cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không còn hòa hợp nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T1.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Cẩm T2 (nữ) sinh ngày 01/3/2025. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn – ông Trần Văn T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông thống nhất theo trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T và đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Cẩm T2 (nữ), sinh ngày 01/3/2025. Ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy,

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T1. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, quan hệ tranh chấp xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn .

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Văn T1 tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa hai ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn do các bên bất đồng quan điểm sống, các bên xác định đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Ông T1 cũng đồng ý đòi

với yêu cầu ly hôn của bà T. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Trần Văn T1.

[2.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Cẩm T2 (nữ) sinh ngày 01/3/2025 cho bà Nguyễn Thị Bích T nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Trần Văn T1 không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Trần Văn T1.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích T ly hôn với ông Trần Văn T1.

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Cẩm T2 (nữ) sinh ngày 01/3/2025 cho bà Nguyễn Thị Bích T nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Trần Văn T1 không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003379 ngày 14/4/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong.

[6]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã Tân Thới;
- Lưu HS (2b).

(đã ký)

Đinh Huỳnh Thái Ngọc